

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2019
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đình Bình và ông Tô Sỹ Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 17/01/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Hữu Đ-Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty trách nhiệm hữu hạn quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ: Tầng G2, tòa nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần Q:

Ông Lê Quốc N.

Người được ủy quyền: Bà Đinh Thị L-Phó giám Công ty trách nhiệm hữu hạn quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Người được ủy quyền lại:

Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1996-Chuyên viên xử lý nợ.

Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: tầng G2, tòa nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(Văn bản ủy quyền số 4789/UQ-MBAMC ngày 20/11/2018 của Công ty trách nhiệm hữu hạn quản lý nợ và khai thác tài sản-Ngân hàng Thương mại cổ phần Q).

2. *Bị đơn*: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn Đồng Minh, xã Đoàn Đào, huyện P, tỉnh H.

Ông Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/5/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q-Chi nhánh Hưng Yên (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký với ông Nguyễn Văn Đ hợp đồng tín dụng số 48.16.740.2732620.TD, theo hợp đồng thì ông Đ vay số tiền là: 150.000.000 đồng, mục đích vay vốn là vay tiêu dùng, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất: 12,6%/năm, biên độ lãi: 5,4%/năm. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng còn có những quy định khác về các loại lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, tiền phạt, quyền và nghĩa vụ của các bên, hiệu lực của hợp đồng. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân đầy đủ số tiền 150.000.000 đồng cho ông Đ thể hiện tại khế ước nhận nợ số LD1614534810 ngày 24/5/2016.

Đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, bên vay đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm nghiêm trọng các cam kết tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký ngay từ kỳ trả nợ đầu tiên theo hợp đồng. Theo tính toán của Ngân hàng thì tạm tính đến ngày 09/11/2018, ông Đ mới trả được cho Ngân hàng 34.268.303 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn là 11.659.351 đồng và lãi quá hạn là 82.306 đồng. Cho đến nay thì ông Đ còn nợ số tiền nợ gốc là 115.731.697 đồng và số lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/11/2018 là 31.200.290 đồng. Tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông Đ còn nợ tạm tính đến ngày 09/11/2018 là: 146.931.987 đồng.

Kể từ thời điểm khoản vay bị quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả nợ nhưng ông Đ vẫn không trả vì vậy Ngân hàng khởi kiện ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Buộc ông Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông Đ còn nợ tạm tính đến ngày 09/11/2018 là: 146.931.987 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Đ phải tiếp tục trả lãi quá hạn tính từ ngày 09/11/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông Đ không trả được số tiền nợ gốc thì ông Đ còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Kể từ ngày Quyết định hay Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc và lãi như đã nêu ở trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế bàn giao tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại hay thu hồi từ tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng, ông Nguyễn Văn Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng ngày 24/5/2016 với Ngân hàng thì ông Đ vay của ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, thời hạn vay từ ngày 24/5/2016 đến ngày 24/5/2020, lãi suất là 12,6%/năm, ngoài ra hai bên còn thỏa thuận về việc lãi quá hạn, vi phạm hợp đồng. Vay theo hình thức tín chấp, bảo đảm bằng lương. Thời hạn trả nợ là 48 kỳ, mỗi kỳ là 01 tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/6/2016.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ông Đ đã nhận toàn bộ số tiền vay là 150.000.000 đồng. Ông Đ đã trả được số tiền nợ gốc và lãi là khoảng 40.000.000 đồng nhưng không nhớ đã trả được cụ thể là bao nhiêu. Lần trả nợ cuối cùng là vào năm 2017. Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng do kinh tế khó khăn, ông Đ lại thường xuyên ốm đau phải đi điều trị nên không trả nợ được cho Ngân hàng theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Khi Ngân hàng yêu cầu trả nợ do đang khó khăn ông Đ có đơn xin khất nợ với Ngân hàng nhưng do kinh tế khó khăn và đau ốm nên ông Đ chưa trả nợ được. Đến nay ông Đ xác định còn nợ số tiền nợ gốc của Ngân hàng là 115.731.697 đồng. Về mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng và số lãi chưa trả như Ngân hàng đã tính toán ông Đ nhất trí không thắc mắc gì.

Về yêu cầu trả nợ của Ngân hàng ông Đ có quan điểm: Ông Đ chấp nhận trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 115.731.697 đồng và số tiền lãi theo tính toán của

Ngân hàng nhưng do đang khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho ông Đ được trả dần.

Ông Đ đã được Tòa án cho xem hợp đồng tín dụng ngày 24/5/2016, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 24/5/2016 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm cam kết trả nợ ngày 18/5/2016 mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án. Ông Đ khẳng định chữ ký và chữ viết ở phần bên vay, bên được cấp tín dụng, người vay trong tất cả các văn bản này đúng là chữ ký và chữ viết của ông Đ.

Ông Đ đã được Tòa án giải thích về quyền, nghĩa vụ đối với việc tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng do ông Đ bận công việc và do điều kiện sức khỏe nên ông Đ đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà đưa vụ án ra giải quyết, xét xử vắng mặt ông Đ.

Ông Đ không có chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ nào khác.

Do ông Đ đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Ngân hàng đề nghị Tòa án không hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Đ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 298, Điều 471, Điều 474, các Điều 476, 342, 355, 336, 338, 361, 363, 369 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q toàn bộ số tiền nợ gốc là 115.731.697 đồng và các khoản lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như ngân hàng yêu cầu.

Các vấn đề khác không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 24/5/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q-Chi nhánh H đã ký với ông Nguyễn Văn Đ hợp đồng tín dụng số 48.16.740.2732620.TD, theo hợp đồng thì ông Đ vay số tiền là: 150.000.000 đồng, mục đích sử dụng là vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 12,6%/năm, biên độ lãi 5,4%/năm. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng còn có những quy định khác về các loại lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, lãi suất quá hạn, tiền phạt, quyền và nghĩa vụ của các bên, hiệu lực của hợp đồng. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân đầy đủ số tiền 150.000.000 đồng cho ông Đ thể hiện tại khế ước nhận nợ số LD1614534810 ngày 24/5/2016.

Đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, bên vay đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các cam kết tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký, cho đến ngày 09/11/2018, ông Đ mới trả được cho Ngân hàng 34.268.303 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn là 11.659.351 đồng và lãi quá hạn là 82.306 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông Đ còn nợ tạm tính đến ngày 09/11/2018 là: 146.931.987 đồng. Đồng thời yêu cầu ông Đ phải tiếp tục trả lãi quá hạn tính từ ngày 09/11/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông Đ không trả được số tiền nợ gốc thì ông Đ còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Bị đơn thừa nhận đã vay số tiền 150.000.000 đồng, đã trả được số tiền nợ gốc và lãi là khoảng 40.000.000 đồng nhưng không nhớ đã trả được cụ thể là bao nhiêu. Lần trả nợ cuối cùng là vào năm 2017. Bị đơn cũng thừa nhận còn nợ số tiền nợ gốc của Ngân hàng là 115.731.697 đồng và chấp nhận trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 115.731.697 đồng và số tiền lãi theo tính toán của Ngân hàng nhưng do đang khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho ông Đ được trả dần.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với ông Đ, Hội đồng xét xử nhận định: Đây là hợp đồng vay tài sản là tiền giữa tổ chức tín dụng với ông Đ nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích vay tiêu dùng. Do vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng không có tranh chấp gì. Hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng nên hợp đồng có hiệu lực.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Ngày 24/5/2016, ông Đ đã vay Ngân hàng số tiền là: 150.000.000 đồng. Tính đến ngày 09/11/2018, ông Đ mới trả được cho Ngân hàng 34.268.303 đồng tiền nợ gốc, lãi trong hạn là 11.659.351 đồng và lãi quá hạn là 82.306 đồng. Ông Đ còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 115.731.697 đồng và số lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/11/2018 là 31.200.290 đồng, tạm tính đến ngày 09/11/2018, ông Đ còn nợ ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là 146.931.987 đồng. Bị đơn thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi như yêu cầu của nguyên đơn và chấp nhận trả nợ. Mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng và không tranh chấp gì nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 115.731.697 đồng và các khoản lãi gồm: số lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/11/2018 là 31.200.290 đồng.

Số tiền lãi quá hạn theo mức 19,35%/ năm trên số nợ gốc 115.731. 697 đồng là: $115.731.697 \text{ đồng} : 100 \times 19,35 \% = 22.394.083 \text{ đồng/năm}$; $12 \text{ tháng} = 1.866.173 \text{ đồng/tháng}$; $30 \text{ ngày} = 62.205 \text{ đồng/ngày}$. Tính từ ngày 09/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/5/2019 là 06 tháng 13 ngày nên số tiền lãi còn phải trả là: $(1.866.173 \text{ đồng} \times 6) + (62.205 \text{ đồng} \times 13) = 12.005.715 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn ông Đ còn phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/5/2019) là:

$115.731.697 \text{ đồng} + 31.200.290 \text{ đồng} + 12.005.715 \text{ đồng} = 158.937.702 \text{ đồng}$ (Một trăm năm mươi tám triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm linh hai đồng) .

Do mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng nên kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông Đ không trả được số nợ gốc thì ông Đ phải chịu lãi suất theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

[4]. Về các yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn như:

Kể từ ngày Quyết định hay Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gốc và lãi như đã nêu ở trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế bàn giao tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại hay thu hồi từ tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Đ vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng, ông Nguyễn Văn Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Do Ngân hàng và ông Đ không có thỏa thuận về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự cụ thể, mặt khác đây là những biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự và được thực hiện trong giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết những yêu cầu này của Ngân hàng.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 115.731.697 đồng (Một trăm mười lăm triệu bảy trăm ba mươi một nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng).

Tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 09/11/2018 là 31.200.290 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 09/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23 tháng 5 năm 2019) là 12.005.715 đồng (Mười hai triệu năm nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23 tháng 5 năm 2019) ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q là: 158.937.702 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm linh hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 7.946.885 đồng (Bảy triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 3.673.299 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005738 ngày 17/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn